BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2544/QĐ-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 16/2026/TT-BCT ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ đối với ngành Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4268/BCT-TCCB ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn tổng kết thi đua và xét, trình khen thưởng năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Nhà trường ngày 06 tháng 8 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" cho 1310 cá nhân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học 2025 - 2026 *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Phan Hồng Hải

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG DANH HIỆU "LAO ĐỘNG TIÊN TIẾN NĂM HỌC 2025 - 2026"

(Kèm theo Quyết định số 2544/QĐ-ĐHCN ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1	Ban Giám hiệu	Phan Hồng Hải	Ông	
2	Ban Giám hiệu	Huỳnh Trung Hiếu	Ông	
3	Ban Giám hiệu	Đàm Sao Mai	Bà	
4	Ban Giám hiệu	Nguyễn Xuân Hồng	Ông	
5	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phạm Trung Kiên	Ông	
6	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Thu Hà	Bà	
7	Phòng Tổ chức - Hành chính	Đỗ Khoa Thúy Kha	Bà	
8	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Cúc	Bà	
9	Phòng Tổ chức - Hành chính	Lê Thị Thanh Hoa	Bà	
10	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Duy Anh	Bà	
11	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bà	
12	Phòng Tổ chức - Hành chính	Đặng Tiểu My	Bà	
13	Phòng Tổ chức - Hành chính	Đào Thị Hồng Hạnh	Bà	
14	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Bà	
15	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ông Mỹ Linh	Bà	
16	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Hạnh Uyên	Bà	
17	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Tuyền	Bà	
18	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trần Thắng Lợi	Ông	
19	Phòng Tổ chức - Hành chính	Lê Thanh Bình	Ông	
20	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phan Hoài Hận	Ông	
21	Phòng Tổ chức - Hành chính	Lê Nguyễn Thanh Trúc	Ông	
22	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Thị Thu	Bà	
23	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Phạm Thị Quế Minh	Bà	
24	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Bà	
25	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Phạm Thị Hải	Bà	
26	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Đào Thị Hải	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
27	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Đặng Thị Ngân	Bà	
28	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Trình Thị Hương	Bà	
29	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Phạm Thị Thuỳ Trang	Bà	
30	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Phạm Thị Ánh Tuyền	Bà	
31	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Hồ Đặng Thanh Nga	Bà	
32	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Bà	
33	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Nguyễn Thị Hiền	Bà	
34	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Phạm Ngân Trang	Bà	
35	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Đào Thị Quyến	Bà	
36	Ban Quản lý Dự án	Nguyễn Trường Thi	Ông	
37	Ban Quản lý Dự án	Đặng Vũ Khoa	Ông	
38	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Trần Thanh Hải	Ông	
39	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Trần Đức Tiệp	Ông	
40	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Lê Thành An	Ông	
41	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Nguyễn Phương Thy	Bà	
42	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Ông	
43	Phòng Đào tạo	Nguyễn Trung Nhân	Ông	
44	Phòng Đào tạo	Phạm Quảng Tri	Ông	
45	Phòng Đào tạo	Trần Thị Huế Chi	Bà	
46	Phòng Đào tạo	Kiều Đức Huynh	Ông	
47	Phòng Đào tạo	Bùi Quốc Tiến	Ông	
48	Phòng Đào tạo	Nguyễn Thị Liên	Bà	
49	Phòng Đào tạo	Đỗ Thị Mai Trinh	Bà	
50	Phòng Đào tạo	Viên Thị Thủy	Bà	
51	Phòng Đào tạo	Trịnh Thị Hồng Phương	Bà	
52	Phòng Đào tạo	Trần Thị Thu Hương	Bà	
53	Phòng Đào tạo	Phạm Thị Huyền Cầm	Bà	
54	Phòng Đào tạo	Trần Thị Huyền	Bà	
55	Phòng Đào tạo	Trương Thị Mai Ly	Bà	
56	Phòng Đào tạo	Đỗ Thị Hải	Bà	
57	Phòng Đào tạo	Nguyễn Lê Thùy Trâm	Bà	
58	Phòng Đào tạo	Huỳnh Thị Yến Tuyết	Bà	
59	Phòng Đào tạo	Đỗ Minh Ngọc	Ông	
60	Phòng Đào tạo	Nguyễn Xuân Mãi	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
61	Phòng Đào tạo	Bửu Thị Loan	Bà	
62	Phòng Đào tạo	Trương Thanh Vy	Ông	
63	Phòng Đào tạo	Nguyễn Trung Chánh	Ông	
64	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Thanh Tùng	Ông	
65	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Trần Thị Tình	Bà	
66	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Vũ Đình Lê	Ông	
67	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Thị Châu	Bà	
68	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Đặng Thị Thu Dung	Bà	
69	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Dương Thị Hiền	Bà	
70	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Văn Hường	Ông	
71	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Anh Minh	Ông	
72	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Thị Kim Phương	Bà	
73	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ngô Thị Thu Hường	Bà	
74	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Trịnh Văn Huy	Ông	
75	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Việt Lâm	Ông	
76	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Cù Thị Thúy Lan	Bà	
77	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Thị Liên	Bà	
78	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Lương Thị Mơ	Bà	
79	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Lâm Thị Kiều My	Bà	
80	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ngô Thị Trà My	Bà	
81	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Phương Nam	Ông	
82	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Bá Phương	Ông	
83	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Anh Quý	Ông	
84	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Vũ Thị Hồng Sâm	Bà	
85	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Văn Tần	Ông	
86	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Trịnh Xuân Thanh	Ông	
87	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Bà	
88	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Lâm Anh Thư	Bà	
89	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Đoàn CNam Thuệ	Ông	
90	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Đình Thuyết	Ông	
91	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Trịnh Đình Trọng	Ông	
92	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Vũ Phạm Phú Tuân	Ông	
93	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Thị Dạ Uyên	Bà	
94	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Lưu Thị Vân	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
95	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Ngọc Việt	Ông	
96	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Trịnh Ngọc Nam	Ông	
97	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Trần Ngọc Hùng	Ông	
98	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Phạm Trần Bích Thuận	Bà	
99	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Đoàn Thị Hồng Gấm	Bà	
100	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thị Lụa	Bà	
101	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Bạch Thị Lê	Bà	
102	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Minh Tú Anh	Bà	
103	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thị Hoài Tân	Bà	
104	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Trần Duy An	Ông	
105	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Mạch Nam Dũng	Ông	
106	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Nhân Sâm	Ông	
107	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Huy Phúc	Ông	
108	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Thị Diệu Hằng	Bà	
109	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Thị Hồng Nhung	Bà	
110	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Đình Mai Thy	Bà	
111	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phạm Quang Thắng	Ông	
112	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phạm Thị Hồng Vân	Bà	
113	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lý Xuân Hải	Ông	
114	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Huỳnh Thị Hậu	Bà	
115	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Bà	
116	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trần Thị Kim Luyến	Bà	
117	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Thị Nam	Bà	
118	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Đào Thị Thanh Phúc	Bà	
119	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trịnh Thị Làn	Bà	
120	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Đặng Thị Ngọc	Bà	
121	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Hữu Anh	Ông	
122	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Khắc Bảo Duy	Ông	
123	Phòng Quản trị	Nguyễn Quý Tuấn	Ông	
124	Phòng Quản trị	Đinh Hồng Nam	Bà	
125	Phòng Quản trị	Đặng Ích Hải	Ông	
126	Phòng Quản trị	Phan Hữu Thọ	Ông	
127	Phòng Quản trị	Nguyễn Ngọc Châu	Ông	
128	Phòng Quản trị	Nguyễn Ngữ	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
129	Phòng Quản trị	Lê Văn Tiến	Ông	
130	Phòng Quản trị	Nguyễn Thị Mai Phương	Bà	
131	Phòng Quản trị	Lê Văn Toản	Ông	
132	Phòng Quản trị	Nguyễn Văn Hiến	Ông	
133	Phòng Quản trị	Não Thanh Ân	Ông	
134	Phòng Quản trị	Nguyễn Anh Minh	Ông	
135	Phòng Quản trị	Đàm Thanh Tân	Ông	
136	Phòng Quản trị	Đỗ Đức Chung	Ông	
137	Phòng Quản trị	Vũ Đình Mong	Ông	
138	Phòng Quản trị	Nguyễn Quang Báu	Ông	
139	Phòng Quản trị	Đỗ Nguyễn Tuấn Anh	Ông	
140	Phòng Quản trị	Ngô Minh Hoàng	Ông	
141	Phòng Quản trị	Nguyễn Huy Cường	Ông	
142	Phòng Quản trị	Nguyễn Năng Tuấn	Ông	
143	Phòng Quản trị	Ngô Bá Hưng	Ông	
144	Phòng Quản trị	Mai Thanh Trí	Ông	
145	Phòng Quản lý Ký túc xá	Hoàng Đơ	Ông	
146	Phòng Quản lý Ký túc xá	Thái Đình Tuấn	Ông	
147	Phòng Quản lý Ký túc xá	Lê Minh Dũng	Ông	
148	Phòng Quản lý Ký túc xá	Cầm Tú An	Ông	
149	Phòng Quản lý Ký túc xá	Võ Tuấn Anh	Ông	
150	Phòng Quản lý Ký túc xá	Tô Quốc Bảo	Ông	
151	Phòng Quản lý Ký túc xá	Trương Minh Cảnh	Ông	
152	Phòng Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Hà	Bà	
153	Phòng Quản lý Ký túc xá	Phạm Trung Hiếu	Ông	
154	Phòng Quản lý Ký túc xá	Vy Văn Hiếu	Ông	
155	Phòng Quản lý Ký túc xá	Dương Văn Hiệu	Ông	
156	Phòng Quản lý Ký túc xá	Thái Đình Hồng	Ông	
157	Phòng Quản lý Ký túc xá	Phạm Văn Hùng	Ông	
158	Phòng Quản lý Ký túc xá	Lưu Mạnh Hưởng	Ông	
159	Phòng Quản lý Ký túc xá	Lê Văn Khôi	Ông	
160	Phòng Quản lý Ký túc xá	Huỳnh Khắc Lưu	Ông	
161	Phòng Quản lý Ký túc xá	Trần Văn Mừng	Ông	
162	Phòng Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
163	Phòng Quản lý Ký túc xá	Võ Thanh Sơn	Ông	
164	Phòng Quản lý Ký túc xá	Đoàn Trường Tân	Ông	
165	Phòng Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Ngọc Thanh	Ông	
166	Phòng Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Thoa	Bà	
167	Phòng Quản lý Ký túc xá	Đinh Thị Thương	Bà	
168	Phòng Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Bà	
169	Phòng Quản lý Ký túc xá	Trần Vũ Trang	Ông	
170	Phòng Quản lý Ký túc xá	Đỗ Ngọc Tuấn	Ông	
171	Phòng Quản lý Ký túc xá	Lê Văn Xuyên	Ông	
172	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Năng Chuyền	Ông	
173	Phòng Dịch vụ	Lê Thị Kim Cung	Bà	
174	Phòng Dịch vụ	Đặng Thị Điệp	Bà	
175	Phòng Dịch vụ	Dương Tiến Đoàn	Ông	
176	Phòng Dịch vụ	Phạm Văn Đông	Ông	
177	Phòng Dịch vụ	Ngô Thị Dung	Bà	
178	Phòng Dịch vụ	Lê Minh Dũng	Ông	
179	Phòng Dịch vụ	Trần Anh Dũng	Ông	
180	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Đức Dương	Ông	
181	Phòng Dịch vụ	Vũ Thị Hà	Bà	
182	Phòng Dịch vụ	Vũ Xuân Hạnh	Ông	
183	Phòng Dịch vụ	Bùi Thị Hòa	Bà	
184	Phòng Dịch vụ	Bùi Thị Thùy Hoanh	Bà	
185	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Hồng	Bà	
186	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Huấn	Bà	
187	Phòng Dịch vụ	Trình Thị Huế	Bà	
188	Phòng Dịch vụ	Đặng Ích Huệ	Ông	
189	Phòng Dịch vụ	Lê Văn Hùng	Ông	
190	Phòng Dịch vụ	Trần Quốc Hùng	Ông	
191	Phòng Dịch vụ	Phùng Thị Hường	Bà	
192	Phòng Dịch vụ	Vũ Thị Lan	Bà	
193	Phòng Dịch vụ	Dương Thị Lanh	Bà	
194	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Bích Liên	Bà	
195	Phòng Dịch vụ	Vũ Thị Mau	Bà	
196	Phòng Dịch vụ	Lê Thị Hồng Mến	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
197	Phòng Dịch vụ	Đặng Thị Nga	Bà	
198	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Hoàng Nhân	Ông	
199	Phòng Dịch vụ	Tạ Văn Nhất	Ông	
200	Phòng Dịch vụ	Dương Văn Nhơn	Ông	
201	Phòng Dịch vụ	Chu Đức Phúc	Ông	
202	Phòng Dịch vụ	Phạm Thị Phượng(b)	Bà	
203	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Đức Quang	Ông	
204	Phòng Dịch vụ	Vũ Đình Quyền	Ông	
205	Phòng Dịch vụ	Đỗ Thành Sơn	Ông	
206	Phòng Dịch vụ	Trần Quang Thắng	Ông	
207	Phòng Dịch vụ	Lê Thị Thanh	Bà	
208	Phòng Dịch vụ	Trần Hán Thành	Ông	
209	Phòng Dịch vụ	Vũ Thị Thơm	Bà	
210	Phòng Dịch vụ	Ngô Xuân Thông	Ông	
211	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Thuần	Bà	
212	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Xuân Thủy	Bà	
213	Phòng Dịch vụ	Nguyễn Thị Thanh Toan	Bà	
214	Phòng Dịch vụ	Trình Văn Từ	Ông	
215	Phòng Dịch vụ	Vĩnh Tuấn	Ông	
216	Phòng Dịch vụ	Hoàng Xanh	Ông	
217	Phòng Dịch vụ	Lê Thị Hải Yến	Bà	
218	Phòng Dịch vụ	Trần Thị Yến	Bà	
219	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Lê Ngọc Sơn	Ông	
220	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Châu Minh Quang	Ông	
221	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	Bà	
222	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Đỗ Thị Tuyết	Bà	
223	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Bà	
224	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Lê Trần Nam	Ông	
225	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Lê Thanh Nam	Ông	
226	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Lê Thị Hương	Bà	
227	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Nguyễn Đình Thiên Duy	Ông	
228	Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học	Lê Tấn Khánh Trình	Bà	
229	Viện Tài chính - Kế toán	Đoàn Thị Thùy Anh	Bà	
230	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Vân Anh	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
231	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Tú Anh	Bà	
232	Viện Tài chính - Kế toán	Hồ Thị Vân Anh	Bà	
233	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Bà	
234	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Thứ Ba	Ông	
235	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Bà	
236	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Bích	Bà	
237	Viện Tài chính - Kế toán	Dương Thị Ngọc Bích	Bà	
238	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Hải Bình	Bà	
239	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Văn CNam	Ông	
240	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Kim Chi	Bà	
241	Viện Tài chính - Kế toán	NNam Ngọc Dụ	Ông	
242	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Tuyết Dung	Bà	
243	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Ngọc Khánh Dung	Bà	
244	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Nhượng Thanh Dung	Bà	
245	Viện Tài chính - Kế toán	Huỳnh Tấn Dũng	Ông	
246	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Khánh Dương	Ông	
247	Viện Tài chính - Kế toán	Đoàn Văn Đính	Ông	
248	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Nguyễn Trà Giang	Bà	
249	Viện Tài chính - Kế toán	Võ Thúy Hà	Bà	
250	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hà	Bà	
251	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Ngọc Hải	Bà	
252	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Bà	
253	Viện Tài chính - Kế toán	Huỳnh Huy Hạnh	Ông	
254	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Đức Hạnh	Bà	
255	Viện Tài chính - Kế toán	Vũ Phương Hạnh	Bà	
256	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Bà	
257	Viện Tài chính - Kế toán	Võ Thị Thu Hằng	Bà	
258	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bà	
259	Viện Tài chính - Kế toán	Vũ Trọng Hiền	Ông	
260	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Quý Hiệp	Ông	
261	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Bà	
262	Viện Tài chính - Kế toán	Phan Thị Như Hồng	Bà	
263	Viện Tài chính - Kế toán	Võ Văn Hợp	Ông	
264	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Bá Hùng	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
265	Viện Tài chính - Kế toán	Trịnh Quốc Hùng	Ông	
266	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Hoàng Hưng	Ông	
267	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Thị Quỳnh Hương	Bà	
268	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Huỳnh Diễm Hương	Bà	
269	Viện Tài chính - Kế toán	Cồ Thị Thanh Hương	Bà	
270	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Như Hương	Bà	
271	Viện Tài chính - Kế toán	Huỳnh Phú Khánh	Ông	
272	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Triệu Anh Khoa	Ông	
273	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Duy Vũ Ngọc Lan	Bà	
274	Viện Tài chính - Kế toán	Từ Thị Hoàng Lan	Bà	
275	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Kim Liên	Bà	
276	Viện Tài chính - Kế toán	Đỗ Khánh Ly	Bà	
277	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Thị Lý	Bà	
278	Viện Tài chính - Kế toán	Đàm Đình Mạnh	Ông	
279	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Ngọc Minh	Ông	
280	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Minh	Bà	
281	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Kiều Nga	Bà	
282	Viện Tài chính - Kế toán	Đỗ Thị Thanh Ngân	Bà	
283	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thúy Ngân	Bà	
284	Viện Tài chính - Kế toán	Hoàng Thị Ngọc Nghiêm	Bà	
285	Viện Tài chính - Kế toán	Quách Minh Ngọc	Bà	
286	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Bà	
287	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Lê Hiếu Nguyên	Bà	
288	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Mỹ Nguyệt	Bà	
289	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Kim Nhất	Bà	
290	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Quốc Nhất	Ông	
291	Viện Tài chính - Kế toán	Vũ Cẩm Nhung	Bà	
292	Viện Tài chính - Kế toán	Bùi Thị Lan Phương	Bà	
293	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Hoàng Phương	Ông	
294	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Khánh Phương	Bà	
295	Viện Tài chính - Kế toán	Lại Cao Mai Phương	Bà	
296	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Bà	
297	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Trường Quân	Ông	
298	Viện Tài chính - Kế toán	Bùi Thị Trúc Quy	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
299	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Thị Thanh Quý	Bà	
300	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thủy Ngọc Sang	Bà	
301	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Lâm Sơn	Ông	
302	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thành Tài	Ông	
303	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Bà	
304	Viện Tài chính - Kế toán	Huỳnh Thị Nhật Tâm	Bà	
305	Viện Tài chính - Kế toán	Hà Ngọc Tâm	Bà	
306	Viện Tài chính - Kế toán	Phùng Thị Cẩm Tú	Bà	
307	Viện Tài chính - Kế toán	Thái Duy Tùng	Ông	
308	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Hữu Tuyên	Ông	
309	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Mạnh Tuyển	Ông	
310	Viện Tài chính - Kế toán	Lăng Thị Minh Thảo	Bà	
311	Viện Tài chính - Kế toán	Đỗ Thị Thu Thảo	Bà	
312	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Thị Bích Thảo	Bà	
313	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Minh Thảo	Bà	
314	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Quốc Thịnh	Ông	
315	Viện Tài chính - Kế toán	Tạ Thị Kim Thoa	Bà	
316	Viện Tài chính - Kế toán	Trần Huỳnh Kim Thoa	Bà	
317	Viện Tài chính - Kế toán	Trương Thị Hoài Thơ	Bà	
318	Viện Tài chính - Kế toán	Tăng Thị Thanh Thủy	Bà	
319	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bà	
320	Viện Tài chính - Kế toán	Đào Thu Thủy	Bà	
321	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Phương Thúy	Bà	
322	Viện Tài chính - Kế toán	Phạm Thị Ngọc Thúy	Bà	
323	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Ngọc Tiến	Ông	
324	Viện Tài chính - Kế toán	Đoàn Thị Thu Trang	Bà	
325	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Ngân Tranh	Bà	
326	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Băng Trinh	Bà	
327	Viện Tài chính - Kế toán	Đỗ Hà Vinh	Ông	
328	Viện Tài chính - Kế toán	Hoàng Đình Vui	Ông	
329	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Lê Hồng Vỹ	Ông	
330	Viện Tài chính - Kế toán	Tăng Thành Minh Xuân	Bà	
331	Viện Tài chính - Kế toán	Phan Minh Xuân	Ông	
332	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Tấn Xuân	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
333	Viện Tài chính - Kế toán	Lê Thị Thuận Ý	Bà	
334	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Tài Yên	Ông	
335	Viện Tài chính - Kế toán	Nguyễn Vỹ Bảo Yến	Bà	
336	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Bá Thanh	Ông	
337	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Tất Sơn	Ông	
338	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bà	
339	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Sen	Bà	
340	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Như Thảo	Bà	
341	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Phan Thị Như Mai	Bà	
342	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Kim Anh	Ông	
343	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Bùi Hồng Quân	Ông	
344	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Đào Quốc Hưng	Ông	
345	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Đinh Văn Trình	Ông	
346	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lê Trầm Nghĩa Thư	Bà	
347	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lưu Thảo Nguyên	Bà	
348	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lưu Huyền Trang	Bà	
349	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Mai Bích Dung	Bà	
350	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Diệu Hạnh	Ông	
351	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Văn Dũng	Ông	
352	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Văn Hồng Thiện	Bà	
353	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Trần Thị Huyền	Bà	
354	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Trần Thị Phương Nhung	Ông	
355	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Ngọc Ẩn	Bà	
356	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Phạm Tấn Việt	Bà	
357	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Lan Hương	Ông	
358	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Hồ Thiên Hoàng	Ông	
359	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Trung Hậu	Bà	
360	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Ngô Vương Quốc Hoàng	Bà	
361	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Đỗ Viết Phương	Ông	
362	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Huỳnh Nguyễn Quế Anh	Bà	
363	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lê Hương Thủy	Ông	
364	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lê Văn Nhất Hoài	Ông	
365	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Thanh Bình	Ông	
366	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Huỳnh Đình Thuấn	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
367	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Ngọc Thuần	Bà	
368	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Mai Hương	Bà	
369	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Phạm Thị Quyên	Ông	
370	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Trần Thị Mai Anh	Bà	
371	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Vũ Thị Hoạn	Ông	
372	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Trương Hoàng Duy	Ông	
373	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Lê Nhất Tâm	Bà	
374	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Đoàn Như Khuê	Bà	
375	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Khắc Kiệm	Ông	
376	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Ngần	Ông	
377	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Phạm Mỹ Hảo	Bà	
378	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Hương	Ông	
379	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Phạm Minh Tuấn	Ông	
380	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Thị Trang	Bà	
381	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Tri Phương	Ông	
382	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	Nguyễn Bảo Châu	Bà	
383	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Hùng Anh	Ông	
384	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thanh Bình	Ông	
385	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Lan Bình	Bà	
386	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Bà	
387	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Thị Ngọc Diệu	Bà	
388	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Trí Dũng	Ông	
389	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Đỗ Doãn Dung	Bà	
390	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Cù Huy Đức	Ông	
391	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Hàng	Bà	
392	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Đồng Phú Hảo	Ông	
393	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Thị Hiền	Bà	
394	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Thị Hiền	Bà	
395	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Chí Hiếu	Bà	
396	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Khánh Hoàng	Ông	
397	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Đặng Thị Bích Hồng	Bà	
398	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Bùi Đăng Hưng	Ông	
399	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trương Thị Thu Hương	Bà	
400	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Ngô Xuân Huy	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
401	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Luân Nhật Huy	Ông	
402	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Vũ Đình Khang	Ông	
403	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Mai Liên	Bà	
404	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Võ Đình Long	Ông	
405	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Bá Long	Ông	
406	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Huỳnh CNam Lực	Ông	
407	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Ngô Thị Mến	Bà	
408	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Hoàng Mỹ	Bà	
409	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Đinh Thị Nga	Bà	
410	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Cao Thị Thúy Nga	Bà	
411	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Ngọc	Bà	
412	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Bùi Thị Ngọc Phương	Bà	
413	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Văn Phương	Ông	
414	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Việt Thắng	Ông	
415	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Bà	
416	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Hồng Thía	Bà	
417	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Bích Thủy	Bà	
418	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Cao Thu Thủy	Bà	
419	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Thị Thu Thủy	Bà	
420	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Xuân Tòng	Ông	
421	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Thị Thùy Trang	Bà	
422	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Bà	
423	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Đào Minh Trung	Ông	
424	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Trần Thị Tường Vân	Bà	
425	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lương Văn Việt	Ông	
426	Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường	Lê Đình Vũ	Ông	
427	Khoa Khoa học Cơ bản	Nghiêm Thị Vân Anh	Bà	
428	Khoa Khoa học Cơ bản	Đào Thị Nguyệt Ánh	Bà	
429	Khoa Khoa học Cơ bản	Phạm Ngọc Ánh	Ông	
430	Khoa Khoa học Cơ bản	Trang CNam Bằng	Ông	
431	Khoa Khoa học Cơ bản	Lý Thanh Bình	Bà	
432	Khoa Khoa học Cơ bản	Lê Ngọc Cẩn	Ông	
433	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	Bà	
434	Khoa Khoa học Cơ bản	Huỳnh Hữu Dinh	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
435	Khoa Khoa học Cơ bản	Trần Anh Dũng	Ông	
436	Khoa Khoa học Cơ bản	Võ Thị Thanh Hà	Bà	
437	Khoa Khoa học Cơ bản	Chu Thị Hằng	Bà	
438	Khoa Khoa học Cơ bản	Huỳnh Văn Hiếu	Ông	
439	Khoa Khoa học Cơ bản	Hoàng Việt Hùng	Ông	
440	Khoa Khoa học Cơ bản	Ngô Ngọc Hưng	Ông	
441	Khoa Khoa học Cơ bản	Phan Quang Hưng	Ông	
442	Khoa Khoa học Cơ bản	Đinh CNam Hướng	Ông	
443	Khoa Khoa học Cơ bản	Đỗ Quốc Huy	Ông	
444	Khoa Khoa học Cơ bản	Lê Văn Lai	Ông	
445	Khoa Khoa học Cơ bản	Đoàn Thủy Lâm	Bà	
446	Khoa Khoa học Cơ bản	Bùi Văn Liêm	Ông	
447	Khoa Khoa học Cơ bản	Lã Ngọc Linh	Ông	
448	Khoa Khoa học Cơ bản	Phạm Anh Lộc	Ông	
449	Khoa Khoa học Cơ bản	Mai Thành Long	Ông	
450	Khoa Khoa học Cơ bản	Lê Thị Xuân Mai	Bà	
451	Khoa Khoa học Cơ bản	Phan Thị Tuyết Nga	Bà	
452	Khoa Khoa học Cơ bản	Đoàn Vương Nguyên	Ông	
453	Khoa Khoa học Cơ bản	Tôn Thất Quang Nguyên	Ông	
454	Khoa Khoa học Cơ bản	Ngô Quốc Nhàn	Ông	
455	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Bà	
456	Khoa Khoa học Cơ bản	Phạm Thị Oanh	Bà	
457	Khoa Khoa học Cơ bản	Đặng Hữu Phúc	Ông	
458	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Kim Hồng Phúc	Bà	
459	Khoa Khoa học Cơ bản	Bùi Thị Thu Phương	Bà	
460	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Đức Phương	Ông	
461	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Phượng	Bà	
462	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Thanh	Bà	
463	Khoa Khoa học Cơ bản	Đỗ Thị Thìn	Bà	
464	Khoa Khoa học Cơ bản	Hoàng Thị Thu	Bà	
465	Khoa Khoa học Cơ bản	Trịnh Phước Toàn	Ông	
466	Khoa Khoa học Cơ bản	Võ Hoàng Trụ	Ông	
467	Khoa Khoa học Cơ bản	Đặng Đoàn Cẩm Tú	Bà	
468	Khoa Khoa học Cơ bản	Trần Mạnh Tuấn	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
469	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Đình Tùng	Ông	
470	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Phi Vân	Bà	
471	Khoa Khoa học Cơ bản	Đỗ Hoài Vũ	Ông	
472	Khoa Khoa học Cơ bản	Đoàn Thị Thanh Xuân	Bà	
473	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Minh An	Ông	
474	Khoa Ngoại ngữ	Trần Kiều Mỹ An	Bà	
475	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Trâm Anh	Bà	
476	Khoa Ngoại ngữ	Hà Thị Ánh	Bà	
477	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Bích	Bà	
478	Khoa Ngoại ngữ	Lê Văn Cần	Ông	
479	Khoa Ngoại ngữ	Trịnh Thị Cương	Bà	
480	Khoa Ngoại ngữ	Lê Ngọc Diệp	Bà	
481	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Đức	Bà	
482	Khoa Ngoại ngữ	Đoàn Phan Phương Dung	Bà	
483	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Thanh Dung	Bà	
484	Khoa Ngoại ngữ	Trần Anh Dũng	Ông	
485	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Lâm Ánh Dương	Bà	
486	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Thị Hải Đường	Bà	
487	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bà	
488	Khoa Ngoại ngữ	Hồ Thị Hiền	Bà	
489	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Ngọc Hiệp	Ông	
490	Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Thị Kim Hiếu	Bà	
491	Khoa Ngoại ngữ	Phạm Vũ Phi Hổ	Ông	
492	Khoa Ngoại ngữ	Đinh Thị Hoa	Bà	
493	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Vũ Mạnh Hoài	Ông	
494	Khoa Ngoại ngữ	Đoàn Minh Huệ	Bà	
495	Khoa Ngoại ngữ	Đinh Tấn Thụy Kha	Bà	
496	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Hùng Khanh	Ông	
497	Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Đăng Khôi	Ông	
498	Khoa Ngoại ngữ	Lê Thị Thành Lập	Bà	
499	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Thị Phong Linh	Bà	
500	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thúy Trúc Linh	Bà	
501	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Thúy Loan	Bà	
502	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Đình Luật	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
503	Khoa Ngoại ngữ	Đặng Hoàng Mai	Bà	
504	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Văn Nam	Ông	
505	Khoa Ngoại ngữ	Võ Thị Minh Ngân	Bà	
506	Khoa Ngoại ngữ	Phan Thị Bích Ngọc	Bà	
507	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Văn Nha	Ông	
508	Khoa Ngoại ngữ	Trương Trần Minh Nhật	Ông	
509	Khoa Ngoại ngữ	Vũ Thúy Nhiễu	Bà	
510	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Ngọc Quỳnh Như	Bà	
511	Khoa Ngoại ngữ	Ngô Thị Thùy Như	Bà	
512	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Thanh Như	Bà	
513	Khoa Ngoại ngữ	Vũ Thị Nhung	Bà	
514	Khoa Ngoại ngữ	Quách Thị Tố Nữ	Bà	
515	Khoa Ngoại ngữ	Phạm Phong Phú	Ông	
516	Khoa Ngoại ngữ	Lê Thị Thiên Phước	Bà	
517	Khoa Ngoại ngữ	Đặng Thị Kim Phượng	Bà	
518	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Như Quỳnh	Bà	
519	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Trường Sa	Ông	
520	Khoa Ngoại ngữ	Võ Nhất Sinh	Ông	
521	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Thị Sơn	Bà	
522	Khoa Ngoại ngữ	Hồ Thị Nguyệt Thanh	Bà	
523	Khoa Ngoại ngữ	Lê Minh Thanh	Ông	
524	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Diễm Thi	Bà	
525	Khoa Ngoại ngữ	Phạm Nguyễn Trường Thi	Bà	
526	Khoa Ngoại ngữ	Phạm Thị Thu	Bà	
527	Khoa Ngoại ngữ	Lê Phạm Thiên Thư	Bà	
528	Khoa Ngoại ngữ	Lê Thị Thúy	Bà	
529	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Bà	
530	Khoa Ngoại ngữ	Trịnh Nguyễn Bích Thùy	Bà	
531	Khoa Ngoại ngữ	Trần Thị Xuân Thủy	Bà	
532	Khoa Ngoại ngữ	Lê Thị Cẩm Tú	Bà	
533	Khoa Ngoại ngữ	Trần Anh Tuấn	Ông	
534	Khoa Ngoại ngữ	Hoàng Lê Thị Tuyết	Bà	
535	Khoa Ngoại ngữ	Trần Vũ Bích Uyên	Bà	
536	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
537	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Việt	Bà	
538	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Bà	
539	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Nguyễn Minh Ái	Bà	
540	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Vũ Vân Anh	Bà	
541	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Hoa Phúc Chân	Ông	
542	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Phương Chi	Bà	
543	Khoa Quản trị kinh doanh	Đàm Trí Cường	Ông	
544	Khoa Quản trị kinh doanh	Lưu Xuân Danh	Ông	
545	Khoa Quản trị kinh doanh	Phùng Tiến Dũng	Ông	
546	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Nha Ghi	Ông	
547	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Hoàng Giang	Ông	
548	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Nam Hải	Ông	
549	Khoa Quản trị kinh doanh	Thân Văn Hải	Ông	
550	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Trần Bảo Hân	Bà	
551	Khoa Quản trị kinh doanh	Bùi Thị Hiền	Bà	
552	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Hiền	Ông	
553	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Hoa	Bà	
554	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Phi Hoàng	Ông	
555	Khoa Quản trị kinh doanh	Chung Tấn Hội	Ông	
556	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Việt Hùng	Ông	
557	Khoa Quản trị kinh doanh	Hồ Nhật Hưng	Ông	
558	Khoa Quản trị kinh doanh	Lương Thị Minh Hương	Bà	
559	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Hương	Bà	
560	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Ngọc Hương	Bà	
561	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thanh Hường	Bà	
562	Khoa Quản trị kinh doanh	Cao Hoàng Huy	Ông	
563	Khoa Quản trị kinh doanh	Đỗ Thị Thanh Huyền	Bà	
564	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Ngọc Khanh	Ông	
565	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Ngọc Kim Khánh	Bà	
566	Khoa Quản trị kinh doanh	Võ Hữu Khánh	Ông	
567	Khoa Quản trị kinh doanh	Trần Văn Khoát	Ông	
568	Khoa Quản trị kinh doanh	Bùi Huy Khôi	Ông	
569	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Thúy Kiều	Bà	
570	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Nhật Lai	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
571	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Đức Lâm	Ông	
572	Khoa Quản trị kinh doanh	Đoàn Ngọc Duy Linh	Ông	
573	Khoa Quản trị kinh doanh	Trịnh Đoàn Tuấn Linh	Ông	
574	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đức Lộc	Ông	
575	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Long .	Ông	
576	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Long	Ông	
577	Khoa Quản trị kinh doanh	Đặng Trần Ánh Mai	Bà	
578	Khoa Quản trị kinh doanh	Hà Thị Thanh Minh	Bà	
579	Khoa Quản trị kinh doanh	Huỳnh Quang Minh	Ông	
580	Khoa Quản trị kinh doanh	Ngô Ngọc Minh	Ông	
581	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Tấn Minh	Ông	
582	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Ngân	Bà	
583	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bà	
584	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hồng Ngọc	Bà	
585	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Nguyên	Ông	
586	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Đặng Nhật Nguyên	Bà	
587	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Phú	Ông	
588	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Hoàng Việt Phương	Ông	
589	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thu Phương	Bà	
590	Khoa Quản trị kinh doanh	Bùi Văn Quang	Ông	
591	Khoa Quản trị kinh doanh	Hà Trọng Quang	Ông	
592	Khoa Quản trị kinh doanh	Phạm Văn Quyết	Ông	
593	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hà Thạch	Ông	
594	Khoa Quản trị kinh doanh	Huỳnh Phương Thảo	Bà	
595	Khoa Quản trị kinh doanh	Phan Thị Thảo	Bà	
596	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Thức	Ông	
597	Khoa Quản trị kinh doanh	Chu Thị Thùy	Bà	
598	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thùy	Bà	
599	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Minh Thủy	Bà	
600	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Ái Thy	Bà	
601	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Minh Toàn	Ông	
602	Khoa Quản trị kinh doanh	Đặng Thị Bảo Trâm	Bà	
603	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Bà	
604	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Duy Trinh	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
605	Khoa Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thanh Trúc	Bà	
606	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thanh Trường	Ông	
607	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Anh Tuấn	Ông	
608	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Túc	Bà	
609	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Lê Phương Uyên	Bà	
610	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Vân	Bà	
611	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quang Vinh	Ông	
612	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Quốc Cường	Ông	
613	Khoa Thương mại - Du lịch	Bùi Thành Khoa	Ông	
614	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn CNam Hoan	Ông	
615	Khoa Thương mại - Du lịch	Mai Thanh Hùng	Ông	
616	Khoa Thương mại - Du lịch	Hồ Văn Dũng	Ông	
617	Khoa Thương mại - Du lịch	Đinh Văn Hưởng	Ông	
618	Khoa Thương mại - Du lịch	Vũ Thị Mai Chi	Bà	
619	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Phương Thảo	Bà	
620	Khoa Thương mại - Du lịch	Trương CNam Hậu	Ông	
621	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Thị Hồng Nhung	Bà	
622	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Lan Anh	Bà	
623	Khoa Thương mại - Du lịch	Phạm Thị Thùy Phương	Bà	
624	Khoa Thương mại - Du lịch	Phan Thanh Huyền	Bà	
625	Khoa Thương mại - Du lịch	Vương Minh Thịnh	Ông	
626	Khoa Thương mại - Du lịch	Đặng Trung Kiên	Ông	
627	Khoa Thương mại - Du lịch	Lừng Thị Kiều Oanh	Bà	
628	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Bình Phương Duy	Ông	
629	Khoa Thương mại - Du lịch	Phan Thị Thu Trang	Bà	
630	Khoa Thương mại - Du lịch	Phạm Nguyễn Anh Thi	Bà	
631	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê CNam Đoàn	Ông	
632	Khoa Thương mại - Du lịch	Trần Lục Thành	Ông	
633	Khoa Thương mại - Du lịch	Đặng Thu Hương	Bà	
634	Khoa Thương mại - Du lịch	Đỗ Bùi Xuân Cường	Ông	
635	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Hữu Hùng	Ông	
636	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Đức Cương	Ông	
637	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thanh Bình	Ông	
638	Khoa Thương mại - Du lịch	Ninh Phú Giang	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
639	Khoa Thương mại - Du lịch	Vũ Thị Kiều Anh	Bà	
640	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Nguyên Phương	Bà	
641	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Phương Giang	Bà	
642	Khoa Thương mại - Du lịch	Trần Khánh	Ông	
643	Khoa Thương mại - Du lịch	Huỳnh Nguyễn Tường An	Bà	
644	Khoa Thương mại - Du lịch	Lâm Bảo Anh	Ông	
645	Khoa Thương mại - Du lịch	Đặng Ngọc Hà	Bà	
646	Khoa Thương mại - Du lịch	Đỗ Thị Hồng Hạnh	Bà	
647	Khoa Thương mại - Du lịch	Mai Thị Hiền	Bà	
648	Khoa Thương mại - Du lịch	Đỗ Hiền Hòa	Bà	
649	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Thị Hương	Bà	
650	Khoa Thương mại - Du lịch	Dương Thị Hường	Bà	
651	Khoa Thương mại - Du lịch	Trần Thị Lê	Bà	
652	Khoa Thương mại - Du lịch	Trương Hoàng Tố Nga	Bà	
653	Khoa Thương mại - Du lịch	Trần Thị Ngọc	Bà	
654	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Bà	
655	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Văn Ninh	Ông	
656	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Thị Kim Oanh	Bà	
657	Khoa Thương mại - Du lịch	Lâm Thị Thúy Phượng	Bà	
658	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Sáu	Bà	
659	Khoa Thương mại - Du lịch	Trần Văn Tâm	Ông	
660	Khoa Thương mại - Du lịch	Hồ Thị Minh Thanh	Bà	
661	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Thị Thương	Bà	
662	Khoa Thương mại - Du lịch	Võ Thị Thu Thủy	Bà	
663	Khoa Thương mại - Du lịch	Tạ Tường Vi	Bà	
664	Khoa Thương mại - Du lịch	Trịnh Thị Thúy Vi	Bà	
665	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Lâm Ngọc Vi	Bà	
666	Khoa Thương mại - Du lịch	Nguyễn Thị Hương	Bà	
667	Khoa Thương mại - Du lịch	Đinh Thị Hoài Hương	Bà	
668	Khoa Thương mại - Du lịch	Tô Kiều Trinh	Bà	
669	Khoa Thương mại - Du lịch	Đinh Thị Hoa Lê	Bà	
670	Khoa Thương mại - Du lịch	Lê Nguyễn Anh Như	Bà	
671	Khoa Thương mại - Du lịch	Võ Thị Minh Nhựt	Bà	
672	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Minh Hùng	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
673	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Quang Đạo	Ông	
674	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Bùi Thị Hảo	Bà	
675	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Văn Thắng	Ông	
676	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Hồ Văn Đức	Ông	
677	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Huỳnh Ngọc Bích	Ông	
678	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thái Bình	Ông	
679	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thành Minh Chánh	Ông	
680	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Kim Chung	Bà	
681	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trương Thị Chuyền	Bà	
682	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Thúy Cường	Bà	
683	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Ngô Văn Duẩn	Ông	
684	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lương Thị Thùy Dương	Bà	
685	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Đào Nguyễn Hương Duyên	Bà	
686	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Hoàng Thị Duyên	Bà	
687	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Mai Thị Hồng Hà	Bà	
688	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Vũ Bá Hải	Ông	
689	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trần Thị Thúy Hằng	Bà	
690	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trần Thị Tâm Hảo	Bà	
691	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trần Thị Ngọc Hết	Bà	
692	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bà	
693	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Đỗ Thị Hiện	Bà	
694	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Thanh Hòa	Ông	
695	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Huệ	Bà	
696	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Thị Hương	Bà	
697	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Phạm Thị Lan	Bà	
698	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trương Ngọc Lân	Ông	
699	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Thị Hồng Liễu	Bà	
700	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Loan	Bà	
701	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Ngụy Thị Hồng Lợi	Bà	
702	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Huỳnh Minh Luân	Ông	
703	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trương Thị Mai	Bà	
704	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Lê Thành Minh	Ông	
705	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Hoài Nam	Ông	
706	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lại Quang Ngọc	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
707	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Đào Thị Nguyệt	Bà	
708	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Bùi Văn Như	Ông	
709	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Nụ	Bà	
710	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Huỳnh Thị Yến Ny	Bà	
711	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Minh Phương	Bà	
712	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Đặng Thị Minh Phượng	Bà	
713	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Hồng Quang	Ông	
714	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Hồ Đăng Quang	Ông	
715	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Thúy Quyên	Bà	
716	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Trần Hữu Thắng	Ông	
717	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Thu Thoa	Bà	
718	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Bà	
719	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Nguyễn Thanh Trà	Bà	
720	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Thị Kiều Trang	Bà	
721	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Vũ Thị Thu Trang	Bà	
722	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Bảo Trọng	Bà	
723	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Lê Đình Trường	Ông	
724	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Nguyễn Thị Hải Vân	Bà	
725	Khoa Luật và Khoa học chính trị	Đặng Hoàng Vũ	Ông	
726	Khoa Công nghệ Cơ khí	Ao Hùng Linh	Ông	
727	Khoa Công nghệ Cơ khí	Bùi Anh Phi	Ông	
728	Khoa Công nghệ Cơ khí	Bùi Duy Trí	Ông	
729	Khoa Công nghệ Cơ khí	Bùi Quốc Duy	Ông	
730	Khoa Công nghệ Cơ khí	Châu Ngọc Lê	Ông	
731	Khoa Công nghệ Cơ khí	Đặng Hoàng Minh	Ông	
732	Khoa Công nghệ Cơ khí	Đặng Văn Ánh	Ông	
733	Khoa Công nghệ Cơ khí	Diệp Bảo Trí	Ông	
734	Khoa Công nghệ Cơ khí	Đinh Văn Bằng	Ông	
735	Khoa Công nghệ Cơ khí	Đường CNam Truyền	Ông	
736	Khoa Công nghệ Cơ khí	Ngô Tiến Hoàng	Ông	
737	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hồ Thị Bạch Phương	Bà	
738	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hoàng CNam Học	Ông	
739	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hoàng Kim Phước	Ông	
740	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hoàng Long Vương	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
741	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hoàng Văn Vinh	Ông	
742	Khoa Công nghệ Cơ khí	Huỳnh CNam Hảo	Ông	
743	Khoa Công nghệ Cơ khí	Huỳnh Xuân Khoa	Ông	
744	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lâm Thanh Danh	Ông	
745	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Duy Tuấn	Ông	
746	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Ngọc Trân	Ông	
747	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Vũ Hải	Ông	
748	Khoa Công nghệ Cơ khí	Ngô văn Cường	Ông	
749	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Chí Trung	Ông	
750	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Đức Nam	Ông	
751	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Hữu Phước	Ông	
752	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Hữu Quân	Ông	
753	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Huỳnh Hòa	Ông	
754	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Khoa Triều	Ông	
755	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Minh Tuấn	Ông	
756	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Ngọc Điệp	Ông	
757	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Ngọc Hoan	Ông	
758	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Ngọc Tuyến	Ông	
759	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Phương Bắc	Ông	
760	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Thanh Điểu	Ông	
761	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Bà	
762	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Bà	
763	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Thị Niên	Bà	
764	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Tiến Dũng	Ông	
765	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Trung Dũng	Ông	
766	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Trường Giang	Ông	
767	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Văn Biên	Ông	
768	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Văn Lục	Ông	
769	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Viễn Quốc	Ông	
770	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phạm Hữu Lộc	Ông	
771	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phạm Thanh Tuấn	Ông	
772	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phạm Thị Nhẹ	Bà	
773	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phạm Thị Thu	Bà	
774	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phạm Văn Minh	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
775	Khoa Công nghệ Cơ khí	Phan Văn Toản	Ông	
776	Khoa Công nghệ Cơ khí	Tôn Thất Nguyên Thy	Ông	
777	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Minh Hiến	Ông	
778	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Ngọc Đăng Khoa	Ông	
779	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Ngọc Thoại	Ông	
780	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Quang Thịnh	Ông	
781	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Trọng Nhân	Ông	
782	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trần Tuấn Kiệt	Ông	
783	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trịnh Văn Chơn	Ông	
784	Khoa Công nghệ Cơ khí	Trương Văn Chính	Ông	
785	Khoa Công nghệ Cơ khí	Võ Ngọc Yến Phương	Bà	
786	Khoa Công nghệ Cơ khí	Võ Văn Cương	Ông	
787	Khoa Công nghệ Cơ khí	Vũ Quang Vinh	Ông	
788	Khoa Công nghệ Cơ khí	Vũ Văn Bộ	Ông	
789	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Văn Nam	Ông	
790	Khoa Công nghệ Cơ khí	Mai Tiến Hậu	Ông	
791	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lăng Văn Thắng	Ông	
792	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Văn Thanh Tiến	Ông	
793	Khoa Công nghệ Cơ khí	Đoàn Bảo Quốc	Ông	
794	Khoa Công nghệ Cơ khí	Hoàng Văn Quý	Ông	
795	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Hải Zy Zy	Ông	
796	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Tuấn Kiệt	Ông	
797	Khoa Công nghệ Cơ khí	Nguyễn Xuân Bản	Ông	
798	Khoa Công nghệ Cơ khí	Lê Văn Hoàng	Ông	
799	Khoa Công nghệ Điện	Bạch Thanh Quý	Ông	
800	Khoa Công nghệ Điện	Bốc Minh Hùng	Ông	
801	Khoa Công nghệ Điện	Bùi Thị Cẩm Quỳnh	Bà	
802	Khoa Công nghệ Điện	Châu Minh Thuyên	Ông	
803	Khoa Công nghệ Điện	Đặng Thanh Tâm	Bà	
804	Khoa Công nghệ Điện	Đào Văn Dương	Ông	
805	Khoa Công nghệ Điện	Đinh Thị Thanh Thảo	Bà	
806	Khoa Công nghệ Điện	Đoàn Thị Bằng	Bà	
807	Khoa Công nghệ Điện	Dương Hữu Phước	Ông	
808	Khoa Công nghệ Điện	Dương Miên Ka	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
809	Khoa Công nghệ Điện	Dương Thanh Long	Ông	
810	Khoa Công nghệ Điện	Hà Chí Kiên	Ông	
811	Khoa Công nghệ Điện	Hoàng Đình Khôi	Ông	
812	Khoa Công nghệ Điện	Hoàng Thị Hồng	Bà	
813	Khoa Công nghệ Điện	Hoàng Thị Tú Uyên	Bà	
814	Khoa Công nghệ Điện	Huỳnh Gia Thịnh	Ông	
815	Khoa Công nghệ Điện	Lâm Bình Minh	Bà	
816	Khoa Công nghệ Điện	Lâm Tấn CNam	Ông	
817	Khoa Công nghệ Điện	Lê Đức Thuận	Ông	
818	Khoa Công nghệ Điện	Lê Hoàng Chương	Ông	
819	Khoa Công nghệ Điện	Lê Long Hồ	Ông	
820	Khoa Công nghệ Điện	Lê Ngọc Hội	Ông	
821	Khoa Công nghệ Điện	Lê Ngọc Tuân	Ông	
822	Khoa Công nghệ Điện	Lê Văn Đại	Ông	
823	Khoa Công nghệ Điện	Lưu Tuấn Kiệt	Ông	
824	Khoa Công nghệ Điện	Ngô Đình Nghĩa	Ông	
825	Khoa Công nghệ Điện	Ngô Thanh Quyền	Ông	
826	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Anh Tuấn	Ông	
827	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Chí Cường	Ông	
828	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Đức Toàn	Ông	
829	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Hoài Phong	Ông	
830	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Hoài Thương	Ông	
831	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Hoanh	Ông	
832	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Hữu Toản	Ông	
833	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Huy Khiêm	Ông	
834	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Mạnh Hoàn	Ông	
835	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Ngọc Anh	Ông	
836	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	Ông	
837	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Ngọc Thiêm	Ông	
838	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Quân	Ông	
839	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Thành Phúc	Ông	
840	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Thanh Thảo	Ông	
841	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Thanh Thuận	Ông	
842	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Thế Anh	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
843	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Thị Diệu An	Bà	
844	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Trung Dũng	Ông	
845	Khoa Công nghệ Điện	Nguyễn Văn Thọ	Ông	
846	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Ái Quốc	Ông	
847	Khoa Công nghệ Điện	Phạm CNam Duy	Ông	
848	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Hoàng Đạt	Ông	
849	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Hồng CNam	Ông	
850	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Quốc Khanh	Ông	
851	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Quốc Nghiệp	Ông	
852	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Thị Lệ Diễm	Bà	
853	Khoa Công nghệ Điện	Phạm Thúy Ngọc	Bà	
854	Khoa Công nghệ Điện	Phan Lâm Vũ	Ông	
855	Khoa Công nghệ Điện	Phan Minh Thân	Ông	
856	Khoa Công nghệ Điện	Phan Thị Bích Thảo	Bà	
857	Khoa Công nghệ Điện	Phan Thị Hạnh Trinh	Bà	
858	Khoa Công nghệ Điện	Phan Thị Thùy Giang	Bà	
859	Khoa Công nghệ Điện	Phan Xuân Lễ	Ông	
860	Khoa Công nghệ Điện	Phùng Văn Thắng	Ông	
861	Khoa Công nghệ Điện	Trần Tấn Tài	Ông	
862	Khoa Công nghệ Điện	Trần Thanh Ngọc	Ông	
863	Khoa Công nghệ Điện	Trần Thị Giang Thanh	Bà	
864	Khoa Công nghệ Điện	Trịnh Hữu Trường	Ông	
865	Khoa Công nghệ Điện	Trương CNam Bình	Ông	
866	Khoa Công nghệ Điện	Văn Thị Kiều Nhi	Bà	
867	Khoa Công nghệ Điện	Võ Tấn Lộc	Ông	
868	Khoa Công nghệ Điện	Võ Thị Ánh Tuyết	Bà	
869	Khoa Công nghệ Điện	Võ Thị Mỹ Phượng	Bà	
870	Khoa Công nghệ Điện	Võ Trung Kiên	Ông	
871	Khoa Công nghệ Điện	Võ Trung Thư	Ông	
872	Khoa Công nghệ Điện	Vũ Đức Vạn	Ông	
873	Khoa Công nghệ Điện	Vũ Hoàng Hải	Ông	
874	Khoa Công nghệ Điện tử	Mai Thăng Long	Ông	
875	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn An	Ông	
876	Khoa Công nghệ Điện tử	Võ Xuân Ân	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
877	Khoa Công nghệ Điện tử	Phan Tuấn Anh	Ông	
878	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Ngọc Anh	Ông	
879	Khoa Công nghệ Điện tử	Vũ Tuấn Anh	Ông	
880	Khoa Công nghệ Điện tử	Bùi Thư Cao	Ông	
881	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn Chiến	Ông	
882	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Minh Chính	Ông	
883	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn Cường	Ông	
884	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn Cường	Ông	
885	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Thanh Đăng	Ông	
886	Khoa Công nghệ Điện tử	Hà Thị Đẹp	Bà	
887	Khoa Công nghệ Điện tử	Đặng Hữu Định	Ông	
888	Khoa Công nghệ Điện tử	Mạc Đức Dũng	Ông	
889	Khoa Công nghệ Điện tử	Ong Mẫu Dũng	Ông	
890	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn Duy	Ông	
891	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Thị Hồng Hà	Bà	
892	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Hoàng Hiếu	Ông	
893	Khoa Công nghệ Điện tử	Phan Vinh Hiếu	Ông	
894	Khoa Công nghệ Điện tử	Phạm Thị Kim Hoàng	Bà	
895	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Minh Hồng	Ông	
896	Khoa Công nghệ Điện tử	Lê Văn Hùng	Ông	
897	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Văn Hùng	Ông	
898	Khoa Công nghệ Điện tử	Lê Thị Thu Hương	Bà	
899	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Quý Hữu	Ông	
900	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Duy Khanh	Ông	
901	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Thanh Khiết	Ông	
902	Khoa Công nghệ Điện tử	Cao Văn Kiên	Ông	
903	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Văn Lành	Ông	
904	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Tấn Lộc	Ông	
905	Khoa Công nghệ Điện tử	Đặng Quang Minh	Ông	
906	Khoa Công nghệ Điện tử	Phạm Minh Nam	Ông	
907	Khoa Công nghệ Điện tử	Đỗ Văn Năng	Ông	
908	Khoa Công nghệ Điện tử	Vũ Thị Hồng Nga	Bà	
909	Khoa Công nghệ Điện tử	Huỳnh Minh Ngọc	Ông	
910	Khoa Công nghệ Điện tử	Tôn Thất Phùng	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
911	Khoa Công nghệ Điện tử	Lê Lý Quyên Quyên	Bà	
912	Khoa Công nghệ Điện tử	Trịnh Thị Sáng	Bà	
913	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Ngọc Sơn	Ông	
914	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Thế Kỳ Sương	Ông	
915	Khoa Công nghệ Điện tử	Lê Thị Hồng Thắm	Bà	
916	Khoa Công nghệ Điện tử	Phạm Việt Thành	Ông	
917	Khoa Công nghệ Điện tử	Đào Thị Thu Thủy	Bà	
918	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Hữu Toàn	Ông	
919	Khoa Công nghệ Điện tử	Trương Năng Toàn	Ông	
920	Khoa Công nghệ Điện tử	Phạm Quang Trí	Ông	
921	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Duy Anh Tuấn	Ông	
922	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Tiến Tùng	Ông	
923	Khoa Công nghệ Điện tử	Đinh Quang Tuyến	Ông	
924	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Hoàng Việt	Ông	
925	Khoa Công nghệ Điện tử	Nguyễn Anh Vinh	Ông	
926	Khoa Công nghệ Điện tử	Trần Hồng Vinh	Ông	
927	Khoa Công nghệ Điện tử	Huỳnh Tuyết Vy	Bà	
928	Khoa Công nghệ Động lực	Đặng Tiến Phúc	Ông	
929	Khoa Công nghệ Động lực	Võ Tấn Châu	Ông	
930	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Xuân Ngọc	Ông	
931	Khoa Công nghệ Động lực	Lương Huỳnh Giang	Ông	
932	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Khôi Nguyên	Ông	
933	Khoa Công nghệ Động lực	Hà Thanh Liêm	Ông	
934	Khoa Công nghệ Động lực	Võ Lâm Kim Thanh	Ông	
935	Khoa Công nghệ Động lực	Bùi Chí Thành	Ông	
936	Khoa Công nghệ Động lực	Hồ Anh Cường	Ông	
937	Khoa Công nghệ Động lực	Hồ Trọng Du	Ông	
938	Khoa Công nghệ Động lực	Phạm Quang Dư	Ông	
939	Khoa Công nghệ Động lực	Hoàng Ngọc Dương	Ông	
940	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Hồ Xuân Duy	Ông	
941	Khoa Công nghệ Động lực	Đinh Thị Thu Hà	Bà	
942	Khoa Công nghệ Động lực	Đỗ Sĩ Hải	Ông	
943	Khoa Công nghệ Động lực	Trần Quang Khải	Ông	
944	Khoa Công nghệ Động lực	Đinh Quốc Khánh	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
945	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Bảo Lộc	Ông	
946	Khoa Công nghệ Động lực	Phan Văn Nhựt	Ông	
947	Khoa Công nghệ Động lực	Trần Anh Sơn	Ông	
948	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Quốc Sỹ	Ông	
949	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Văn Sỹ	Ông	
950	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn CNam Thành	Ông	
951	Khoa Công nghệ Động lực	Hồ Thanh Thơ	Ông	
952	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	Ông	
953	Khoa Công nghệ Động lực	Phạm Sơn Tùng	Ông	
954	Khoa Công nghệ Động lực	Nguyễn Doãn Dương	Ông	
955	Khoa Công nghệ Hóa học	Bùi Thị Diễm	Bà	
956	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Lan Anh	Bà	
957	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Hoài Đức	Ông	
958	Khoa Công nghệ Hóa học	Võ Thế Kỳ	Ông	
959	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Hữu Hải	Ông	
960	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Văn Cường	Ông	
961	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Hữu Trung	Ông	
962	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Thị Tố Minh	Bà	
963	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Thanh Thúy	Bà	
964	Khoa Công nghệ Hóa học	Vũ Thị Hoa	Bà	
965	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Thị Mai Thơ	Bà	
966	Khoa Công nghệ Hóa học	Bạch Thị Mỹ Hiền	Bà	
967	Khoa Công nghệ Hóa học	Bùi Thị Thu Thủy	Bà	
968	Khoa Công nghệ Hóa học	Cao Thanh Nhàn	Ông	
969	Khoa Công nghệ Hóa học	Cao Xuân Thắng	Ông	
970	Khoa Công nghệ Hóa học	Đặng Thị Hồng Nhung	Bà	
971	Khoa Công nghệ Hóa học	Đỗ Qúy Diễm	Bà	
972	Khoa Công nghệ Hóa học	Đỗ Thị Long	Bà	
973	Khoa Công nghệ Hóa học	Đoàn Văn Đạt	Ông	
974	Khoa Công nghệ Hóa học	Hồ Ngọc Nga	Bà	
975	Khoa Công nghệ Hóa học	Hồ Văn Tài	Ông	
976	Khoa Công nghệ Hóa học	Hoàng Minh Sơn	Ông	
977	Khoa Công nghệ Hóa học	Hoàng Thị Thanh	Bà	
978	Khoa Công nghệ Hóa học	Huỳnh Ngọc Châu	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
979	Khoa Công nghệ Hóa học	Khưu Châu Quang	Ông	
980	Khoa Công nghệ Hóa học	Lê Nhất Thống	Ông	
981	Khoa Công nghệ Hóa học	Lê Thiết Hùng	Ông	
982	Khoa Công nghệ Hóa học	Lê Trọng Thành	Ông	
983	Khoa Công nghệ Hóa học	Lê Văn Nhiều	Ông	
984	Khoa Công nghệ Hóa học	Lộ Nhật Trường	Ông	
985	Khoa Công nghệ Hóa học	Lưu Thị Việt Hà	Bà	
986	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Hoàng Minh	Ông	
987	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Minh Quang	Ông	
988	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Minh Tiến	Ông	
989	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Quốc Thắng	Ông	
990	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Thị Kim Lệ	Bà	
991	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Thị Liễu	Bà	
992	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Bà	
993	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Trọng Tăng	Ông	
994	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Văn Sơn	Ông	
995	Khoa Công nghệ Hóa học	Nguyễn Văn Trọng	Ông	
996	Khoa Công nghệ Hóa học	Phạm Hoàng Ái Lệ	Bà	
997	Khoa Công nghệ Hóa học	Phạm Thành Tâm	Ông	
998	Khoa Công nghệ Hóa học	Phạm Thị Hồng Phượng	Bà	
999	Khoa Công nghệ Hóa học	Phạm Văn Hưng	Ông	
1000	Khoa Công nghệ Hóa học	Thái Việt Hưng	Ông	
1001	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Ngọc Thắng	Ông	
1002	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Nguyễn Minh Ân	Ông	
1003	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thảo Quỳnh Ngân	Bà	
1004	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Diệu Thuần	Bà	
1005	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Diệu Thúy	Bà	
1006	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Hồng	Bà	
1007	Khoa Công nghệ Hóa học	Trần Thị Thanh Nhã	Bà	
1008	Khoa Công nghệ Hóa học	Trương Kim Ngân	Bà	
1009	Khoa Công nghệ Hóa học	Trương Văn Minh	Ông	
1010	Khoa Công nghệ Hóa học	Văn Thanh Khuê	Ông	
1011	Khoa Công nghệ Hóa học	Võ Thành CNam	Ông	
1012	Khoa Công nghệ Hóa học	Võ Thanh Hưởng	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1013	Khoa Công nghệ Hóa học	Võ Uyên Vy	Bà	
1014	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Thị Tâm Thanh	Bà	
1015	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Trần Đình Anh Tuấn	Ông	
1016	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Minh Phú	Ông	
1017	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Trần Việt Hùng	Ông	
1018	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Phạm Quang Phú	Ông	
1019	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Hoàng Khôi	Ông	
1020	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Đỗ Xuân Hương	Bà	
1021	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Tô Kiều Mi	Bà	
1022	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Đoàn Thị Hồng Hải	Bà	
1023	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Văn Dũng	Ông	
1024	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Lê Trần Cảnh	Ông	
1025	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Minh Cường	Ông	
1026	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Võ Long Hải	Ông	
1027	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Cao Trung Hậu	Ông	
1028	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Lê Đình Nhật Hoài	Ông	
1029	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Trung Kiên (A)	Ông	
1030	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Trung Kiên	Ông	
1031	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Ông	
1032	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Lê Thị Bích Nguyệt	Bà	
1033	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Văn Pha	Ông	
1034	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Vũ Đức Phương	Ông	
1035	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Hồ T. Khánh Phượng	Bà	
1036	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Phạm Bá Thảo	Ông	
1037	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Trần Đình Thảo	Ông	
1038	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Bùi Trung Thành	Ông	
1039	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Nguyễn Văn Tuấn	Ông	
1040	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Nhật Hoàng Anh	Bà	
1041	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Thanh Bình	Bà	
1042	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Thị Kim Chi	Bà	
1043	Khoa Công nghệ Thông tin	Tạ Duy CNam Chiến	Ông	
1044	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Văn Đạt	Ông	
1045	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Ngọc Dung	Bà	
1046	Khoa Công nghệ Thông tin	Ngô Hữu Dũng	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1047	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Nhật Duy	Ông	
1048	Khoa Công nghệ Thông tin	Châu Thị Bảo Hà	Bà	
1049	Khoa Công nghệ Thông tin	Đặng Thị Thu Hà	Bà	
1050	Khoa Công nghệ Thông tin	Hoàng Đình Hạnh	Ông	
1051	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Hạnh	Bà	
1052	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Vũ Hạo	Ông	
1053	Khoa Công nghệ Thông tin	Phạm Thị Xuân Hiền	Bà	
1054	Khoa Công nghệ Thông tin	Bùi Thanh Hùng	Ông	
1055	Khoa Công nghệ Thông tin	Phạm Thanh Hùng	Ông	
1056	Khoa Công nghệ Thông tin	Võ Quang Hoàng Khang	Ông	
1057	Khoa Công nghệ Thông tin	Phạm Thái Khanh	Ông	
1058	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	Bà	
1059	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Thị Minh Khoa	Bà	
1060	Khoa Công nghệ Thông tin	Võ Đăng Khoa	Ông	
1061	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trần Kỹ	Ông	
1062	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Vũ Lâm	Ông	
1063	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Ngọc Lễ	Ông	
1064	Khoa Công nghệ Thông tin	Phan Thị Mỹ Linh	Bà	
1065	Khoa Công nghệ Thông tin	Trương Vĩnh Linh	Ông	
1066	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Xuân Lô	Ông	
1067	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Đình Long	Ông	
1068	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Hồng Lương	Bà	
1069	Khoa Công nghệ Thông tin	Võ CNam Minh	Ông	
1070	Khoa Công nghệ Thông tin	Huỳnh Nam	Ông	
1071	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Trọng Ngọc	Ông	
1072	Khoa Công nghệ Thông tin	Huỳnh Tường Nguyên	Ông	
1073	Khoa Công nghệ Thông tin	Đặng Thị Phúc	Bà	
1074	Khoa Công nghệ Thông tin	Trương Bá Phúc	Ông	
1075	Khoa Công nghệ Thông tin	Tôn Long Phước	Ông	
1076	Khoa Công nghệ Thông tin	Võ Ngọc Tấn Phước	Ông	
1077	Khoa Công nghệ Thông tin	Đỗ Hà Phương	Ông	
1078	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Ngọc Phượng	Bà	
1079	Khoa Công nghệ Thông tin	Hồ Đắc Quán	Ông	
1080	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hữu Quang	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1081	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Văn Quang	Ông	
1082	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Viết Nhật Quang	Ông	
1083	Khoa Công nghệ Thông tin	Trịnh Thanh Sơn	Ông	
1084	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thành Thái	Ông	
1085	Khoa Công nghệ Thông tin	Đoàn Văn Thắng	Ông	
1086	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Văn Thắng	Ông	
1087	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Thị Vĩnh Thanh	Bà	
1088	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Tấn Thành	Ông	
1089	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Thị Anh Thi	Bà	
1090	Khoa Công nghệ Thông tin	Phạm Thị Thiết	Bà	
1091	Khoa Công nghệ Thông tin	Vũ Đức Thịnh	Ông	
1092	Khoa Công nghệ Thông tin	Đặng Văn Thuận	Ông	
1093	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Thị Thủy	Bà	
1094	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Trọng Tiến	Ông	
1095	Khoa Công nghệ Thông tin	Bùi Đình Tiền	Ông	
1096	Khoa Công nghệ Thông tin	Phan Hồng Tín	Ông	
1097	Khoa Công nghệ Thông tin	Nguyễn Hữu Tình	Ông	
1098	Khoa Công nghệ Thông tin	Phan Thị Bảo Trân	Bà	
1099	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Thùy Trang	Bà	
1100	Khoa Công nghệ Thông tin	Phạm Thị Thùy Trang	Bà	
1101	Khoa Công nghệ Thông tin	Giảng Thanh Trọn	Ông	
1102	Khoa Công nghệ Thông tin	Trần Thế Trung	Ông	
1103	Khoa Công nghệ Thông tin	Phan Anh Tuấn	Ông	
1104	Khoa Công nghệ Thông tin	Lê Thị Ánh Tuyết	Bà	
1105	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Mậu Tùng	Ông	
1106	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Phạm Thị Thảo	Bà	
1107	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Huỳnh Văn Thức	Ông	
1108	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Trần Thị Kim Phượng	Bà	
1109	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bà	
1110	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Thái Châu Á	Ông	
1111	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Lê Quang Bình	Ông	
1112	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Phạm Thị Cúc	Bà	
1113	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Thị Mỹ Chiên	Bà	
1114	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Trường Duy	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1115	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Kiều Tấn Đoàn	Ông	
1116	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Bùi Thị Cẩm Loan	Bà	
1117	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Thị Hằng	Bà	
1118	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Hà Thị Hiền	Bà	
1119	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Bà	
1120	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Mai Cẩm Tú	Bà	
1121	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Lê Thanh Tuyền	Bà	
1122	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Trần Nguyễn Tú Uyên	Bà	
1123	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Lương Hoàng Tuyết Vân	Bà	
1124	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Hà Tú Vân	Bà	
1125	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Phạm Nhất Chi Mai	Bà	
1126	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Phan Hà Như Ngọc	Bà	
1127	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Đinh Hà Phương	Bà	
1128	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Phạm Thị Hồng My	Bà	
1129	Khoa Công nghệ May - Thời trang	Trần Thị Kim Phượng	Bà	
1130	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Thị Phương Linh	Bà	
1131	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Vũ Duy Thắng	Ông	
1132	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Thu Hằng	Bà	
1133	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Lê Vĩnh An	Ông	
1134	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Phan Duy	Ông	
1135	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Trần Việt Phương ĐNam	Ông	
1136	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Huỳnh Lê Em	Ông	
1137	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Sơn Lâm	Ông	
1138	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Lê Thị Thùy Linh	Bà	
1139	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Đoàn Hiếu Linh	Ông	
1140	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Dương Vĩnh Nhiều	Ông	
1141	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Đỗ Cao Phan	Ông	
1142	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Bá Phú	Ông	
1143	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Ngọc Phúc	Ông	
1144	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Hoàng Phương	Ông	
1145	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Phan Trường Sơn	Ông	
1146	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Nhật Minh Trị	Ông	
1147	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Thái Phương Trúc	Bà	
1148	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Thị Tuyết	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1149	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	Nguyễn Thị Hải Yến	Bà	
1150	Khoa Khoa học Sức khỏe	Trần Đình Thắng	Ông	
1151	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Bà	
1152	Khoa Khoa học Sức khỏe	Lâm Khắc Kỷ	Ông	
1153	Khoa Khoa học Sức khỏe	Cao Kim Xoa	Bà	
1154	Khoa Khoa học Sức khỏe	Đặng Thu Thuỷ	Bà	
1155	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Hữu Mai Lynh	Bà	
1156	Khoa Khoa học Sức khỏe	Phạm Hồng Hiếu	Ông	
1157	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Hương Trầm	Bà	
1158	Khoa Khoa học Sức khỏe	Lê Phạm Tấn Quốc	Ông	
1159	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Ngọc Tuấn	Ông	
1160	Khoa Khoa học Sức khỏe	Trần Ngọc Bửu	Ông	
1161	Khoa Khoa học Sức khỏe	Võ Văn Thiệp	Ông	
1162	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Thị Nhật Thắng	Bà	
1163	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Thùy Trang	Bà	
1164	Khoa Khoa học Sức khỏe	Nguyễn Xuân An	Ông	
1165	Khoa Khoa học Sức khỏe	Trần Đặng Việt Tín	Ông	
1166	Trung tâm Thư viện	Lê Thị Thanh Bình	Bà	
1167	Trung tâm Thư viện	Phạm Tấn Bình	Ông	
1168	Trung tâm Thư viện	Lê Đức Chí	Ông	
1169	Trung tâm Thư viện	Chung Đức Cường	Ông	
1170	Trung tâm Thư viện	Phạm Thị Dung	Bà	
1171	Trung tâm Thư viện	Phạm Thị Hoàng Dung	Bà	
1172	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Thu Hằng	Bà	
1173	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Bà	
1174	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Hoa	Bà	
1175	Trung tâm Thư viện	Dương Thị Ánh Hồng	Bà	
1176	Trung tâm Thư viện	Phạm Kim Hồng	Bà	
1177	Trung tâm Thư viện	Phạm Thanh Hùng	Ông	
1178	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Hoa Lan	Bà	
1179	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Thanh Lan	Bà	
1180	Trung tâm Thư viện	Phạm Thị Lan	Bà	
1181	Trung tâm Thư viện	Phạm Tâm Liên	Bà	
1182	Trung tâm Thư viện	Trình Thị Liên	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1183	Trung tâm Thư viện	Đặng thị Loan	Bà	
1184	Trung tâm Thư viện	Trần Thị Thanh Loan	Bà	
1185	Trung tâm Thư viện	Phạm Thị Thu Lý	Bà	
1186	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Bà	
1187	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Văn Mạnh	Ông	
1188	Trung tâm Thư viện	Hoàng Thị Thúy Nga	Bà	
1189	Trung tâm Thư viện	Dương Thị Nhẫn	Bà	
1190	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Bà	
1191	Trung tâm Thư viện	Đỗ Thị Lan Phương	Bà	
1192	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	Bà	
1193	Trung tâm Thư viện	Mai Thị Tâm	Bà	
1194	Trung tâm Thư viện	Nguyễn Quang Thịnh	Ông	
1195	Trung tâm Thư viện	Đỗ Thị Thúy	Bà	
1196	Trung tâm Thư viện	Phan Minh Trí	Ông	
1197	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Trung Dũng	Ông	
1198	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Minh Luận	Ông	
1199	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Phạm Ngọc Anh	Ông	
1200	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Trịnh Văn Giang	Ông	
1201	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Đỗ Thị Mai	Bà	
1202	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Tạ Hồng Hà	Ông	
1203	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Anh Hùng	Ông	
1204	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Thanh Liêm	Ông	
1205	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Phúc Thanh Phong	Ông	
1206	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Trần Văn Tưởng	Ông	
1207	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Lâm Văn Luật	Ông	
1208	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Đình Hà	Ông	
1209	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Nguyễn Quy Hưng	Ông	
1210	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Phan Cảnh Tứ	Ông	
1211	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Bùi Bá Hân	Ông	
1212	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Hồ Văn Huy	Ông	
1213	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Trần Văn Dũng	Ông	
1214	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	Phạm Văn Dũng	Ông	
1215	Trung tâm Quản trị Hệ thống	Nguyễn Phúc Hưng	Ông	
1216	Trung tâm Quản trị Hệ thống	Võ Bảo Trung	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1217	Trung tâm Quản trị Hệ thống	Lưu Quang Đức	Ông	
1218	Trung tâm Quản trị Hệ thống	Nguyễn Quang Thăng	Ông	
1219	Trung tâm Quản trị Hệ thống	Mai Hoàng Thụy Khanh	Bà	
1220	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Bùi Lương Thu Anh	Bà	
1221	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Nguyễn Nam Hải	Ông	
1222	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Võ Anh Hào	Ông	
1223	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Bà	
1224	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Lê Quang Phúc	Ông	
1225	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Nguyễn Thị Thương	Bà	
1226	Trung tâm Thông tin - Truyền thông	Huỳnh Phú Vinh	Ông	
1227	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	Lâm Huỳnh Đình Nguyên	Ông	
1228	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	Nguyễn Hoàng Duy	Ông	
1229	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	Nguyễn Thị Kim Tiền	Bà	
1230	Tạp chí Khoa học	Lê Văn Tán	Ông	
1231	Tạp chí Khoa học	Trần Ngọc Huyền Trân	Bà	
1232	Nhà Xuất bản	Đoàn Thanh Điền	Ông	
1233	Nhà Xuất bản	Hoàng Văn Tuấn	Ông	
1234	Nhà Xuất bản	Lê Thị Tiểu Nhi	Bà	
1235	Nhà Xuất bản	Nguyễn Văn Sang	Ông	
1236	Nhà Xuất bản	Vũ Đỗ Ngọc Linh	Bà	
1237	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Trọng Hiền	Ông	
1238	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Văn Huy	Ông	
1239	Phân hiệu Quảng Ngãi	Bùi Văn Vĩ	Ông	
1240	Phân hiệu Quảng Ngãi	Đỗ Hữu Đức	Ông	
1241	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Trọng Minh Thái	Ông	
1242	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thị Thúy Việt	Bà	
1243	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Lương Vương	Ông	
1244	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Anh Tuấn	Ông	
1245	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Thị Mỹ Ánh	Bà	
1246	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lý Sỹ Dược	Ông	
1247	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Thị Hồng	Bà	
1248	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Thị Thu Hường	Bà	
1249	Phân hiệu Quảng Ngãi	Võ Thị Kiều	Bà	
1250	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Thị Mỹ Linh	Bà	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1251	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Quang Mệnh	Ông	
1252	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Mậu Sơn	Ông	
1253	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Thị Thạch	Bà	
1254	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Duy Thọ	Ông	
1255	Phân hiệu Quảng Ngãi	Phạm Thị Mỹ Thuận	Bà	
1256	Phân hiệu Quảng Ngãi	Tạ Văn Toàn	Ông	
1257	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Quang Văn	Ông	
1258	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Cao Việt	Ông	
1259	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Kim Đức	Ông	
1260	Phân hiệu Quảng Ngãi	Hoàng Đăng Hiếu	Ông	
1261	Phân hiệu Quảng Ngãi	Đỗ Thị Thanh Tâm	Bà	
1262	Phân hiệu Quảng Ngãi	Huỳnh Tấn Thơm	Ông	
1263	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thị Thu	Bà	
1264	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Quốc Trung	Ông	
1265	Phân hiệu Quảng Ngãi	Võ Đức Anh	Ông	
1266	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Văn Âu	Ông	
1267	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Cung	Ông	
1268	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Hữu Dự	Ông	
1269	Phân hiệu Quảng Ngãi	Bùi Văn Đồng	Ông	
1270	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thanh Hải	Ông	
1271	Phân hiệu Quảng Ngãi	Huỳnh Tấn Hát	Ông	
1272	Phân hiệu Quảng Ngãi	Hồ Thanh Hoàng	Ông	
1273	Phân hiệu Quảng Ngãi	Vy Thị Thanh Hường	Bà	
1274	Phân hiệu Quảng Ngãi	Ngô Thị Phi Quỳnh	Bà	
1275	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trần Đức Thành	Ông	
1276	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Hữu Thế	Ông	
1277	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trịnh Nhất Tiến	Ông	
1278	Phân hiệu Quảng Ngãi	Phan Anh Tú	Ông	
1279	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Quang Vinh	Ông	
1280	Phân hiệu Quảng Ngãi	Phạm Văn Vĩnh	Ông	
1281	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Thị Thanh Phương	Bà	
1282	Phân hiệu Quảng Ngãi	Phạm Hoàng Ngọc Thảo	Bà	
1283	Phân hiệu Quảng Ngãi	Phạm Thị Minh Trang	Bà	
1284	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thành Trí	Ông	

Stt	Đơn vị	Họ và tên	Phái	Ghi chú
1285	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Thị Thanh Tùng	Bà	
1286	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Anh Tuấn	Ông	
1287	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thị Thanh Vũ	Bà	
1288	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn CNam Du	Ông	
1289	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Bà	
1290	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Thị Cẩm Hương	Bà	
1291	Phân hiệu Quảng Ngãi	Dương Thị Thúy Liễu	Bà	
1292	Phân hiệu Quảng Ngãi	Huỳnh Thị Lệ Minh	Bà	
1293	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trương Thị Thanh Minh	Bà	
1294	Phân hiệu Quảng Ngãi	Trịnh Thị Ý Nhi	Bà	
1295	Phân hiệu Quảng Ngãi	Nguyễn Viết Thanh	Ông	
1296	Phân hiệu Quảng Ngãi	Bùi Thị Thanh Thúy	Bà	
1297	Phân hiệu Quảng Ngãi	Dương Thị Ánh Tiên	Bà	
1298	Phân hiệu Quảng Ngãi	Ngô Thị Thùy Trang	Bà	
1299	Phân hiệu Quảng Ngãi	Hoàng Anh Viện	Ông	
1300	Phân hiệu Quảng Ngãi	Lê Thị Hồng Yến	Bà	
1301	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hà	Bà	
1302	Cơ sở Thanh Hóa	Phạm Thái Hòa	Ông	
1303	Cơ sở Thanh Hóa	Phan Anh Tú	Ông	
1304	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Thị Vui	Bà	
1305	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hương	Bà	
1306	Cơ sở Thanh Hóa	Trần Bá Ánh	Ông	
1307	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Dụng Tuấn	Ông	
1308	Cơ sở Thanh Hóa	Lê Thị Ca Sơn	Bà	
1309	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hằng	Bà	
1310	Cơ sở Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hà	Bà	

(Danh sách gồm 1310 người./.)